

Số: **2963**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **17** tháng 8 năm 2020

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐẾN Số: **58.96**
Ngày: **19/8/2020**

Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này **50** (Năm mươi) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 48 thủ tục; cấp huyện: 02 thủ tục*) và bãi bỏ **54** (Năm mươi bốn) thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 49 thủ tục; cấp huyện: 02 thủ tục; cấp xã: 03 thủ tục*) được công bố tại Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương và Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 08/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (*lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, công nghệ thực phẩm và công nghệ chế biến khác*), (kèm theo phụ lục danh mục, nội dung thủ tục hành chính công bố mới và

bãi bỏ gửi trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh (Ioffice), đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập sử dụng).

Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận một cửa, danh mục TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thuộc phạm vi, chức năng quản lý theo quy định.

Điều 3. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các Sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC-VPCP (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP;
- TT Tin học-Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. 06

- 1009/.



Trần Anh Dũng



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÀI BỎ
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày...17. tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

Sst	Tên TTTC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm						
1.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	- Phí thẩm định cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương.
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	03 ngày làm việc 07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Các trường hợp cấp lại: do bị mất, hỏng; thay đổi tên cơ sở; thay đổi chủ cơ sở không có thu phí Trường hợp khác: - Phí thẩm định cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương.

Sst	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II Lĩnh vực Dầu Khí							
3.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhưt.
4.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhưt.
5.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhưt.

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
III	Lĩnh vực Điện						
6.	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012; - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ Công Thương
7.	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012; - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ Công Thương
8.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
9.	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

Sst	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
10.	Cấp lại thẻ an toàn điện	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012; - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ; - Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ - Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương
IV Lĩnh vực Hóa chất							
11.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính
12.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định 600.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
13.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính
14.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định 600.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ. - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính
15.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: 2) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương.

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKO	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
V Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ							
16.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24/11/2015 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
VI Lĩnh vực Kinh doanh khí							
17.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
19.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
20.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
22.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
23.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
25.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
26.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Stt	Tài THHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
28.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:</p> <p>www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)</p>	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>
29.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	<p>Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p> <p>+ Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:</p> <p>www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)</p>	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>
30.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:</p> <p>www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)</p>	<p>- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính</p>

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
31.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
VII Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước							
32.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính
33.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính

Sst	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
34.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính
35.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính
36.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc 04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	* Cấp lại hết hiệu lực thu phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định * Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: không thu phí	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Sst	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
37.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính.
38.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 3)	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Cơ sở pháp lý
VIII Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh							
39.	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;
40.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;
41.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ							
42.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương
43.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương
44.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	* Phí thẩm định: 1. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thêm lục địa: 5.000.000 đồng. 2. Phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng 3. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng 4. Phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
45.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	03 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công tỉnh Trà Vinh	<p>* Trường hợp thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động, mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đồng. 2. Phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng 3. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng 4. Phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng <p>* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu bằng 50% mức thu tương ứng trên</p>	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Mức độ: 2</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài chính

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
46.	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ: 2 - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017 - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính
X	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại						
47.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11); - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ;
48.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn (Mức độ: 4) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11); - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ;

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan tiếp nhận và TKQ	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước							
1.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1. Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>2. Điểm kinh doanh tại khu vực huyện: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>	<p>Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện / Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính.</p>
2.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>Phí thẩm định:</p> <p>1. Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.</p> <p>2. Điểm kinh doanh tại khu vực huyện: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định</p>	<p>Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện / Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.</p> <p>- Hoặc nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng)</p>	<p>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính.</p>

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BÁI BỎ
1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

Stt	Mã số	Tên TTHC
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	
1.	2.000591.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
2.	2.000535.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
II	Lĩnh vực Dầu Khí	
3.	2.000453.000.00.00.H59	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³
4.	2.000433.000.00.00.H59	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³
5.	2.000427.000.00.00.H59	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³
III	Lĩnh vực Điện	
6.	2.000543.000.00.00.H59	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
7.	2.000526.000.00.00.H59	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ
8.	2.000621.000.00.00.H59	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
9.	2.000638.000.00.00.H59	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
10.	2.000643.000.00.00.H59	Cấp lại thẻ an toàn điện

Stt	Mã số	Tên TT/HC
IV	Lĩnh vực Hóa chất	
11.	2.001547.000.00.00.H59	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
12.	2.001172.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
13.	1.002758.000.00.00.H59	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
14.	2.000652.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
15.	2.000179.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm
V	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	
16.	2.000046.000.00.00.H59	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
VI	Lĩnh vực Kinh doanh khí	
17.	2.000073.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
18.	2.000207.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
19.	2.000201.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
20.	2.000194.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
21.	2.000187.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
22.	2.000175.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
23.	2.000196.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
24.	1.000425.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

Stt	Mã số	Tên THHC
25.	2.000371.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
26.	2.000387.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
27.	2.000376.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
28.	2.000180.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
29.	2.000163.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
30.	1.000444.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
31.	2.000211.000.00.00.H59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
VII	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
32.	2.001646.000.00.00.H59	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
33.	2.001636.000.00.00.H59	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
34.	2.001630.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
35.	2.001619.000.00.00.H59	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
36.	2.000636.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
37.	2.000637.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
38.	2.000626.000.00.00.H59	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
VIII	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
39.	2.000631.000.00.00.H59	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
40.	2.000619.000.00.00.H59	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
41.	2.000609.000.00.00.H59	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

Stt	Mã số	Tên TTTC
IX	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
42.	2.000229.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
43.	2.000221.000.00.00.H59	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
44.	2.001434.000.00.00.H59	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
45.	2.001433.000.00.00.H59	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
46.	1.003401.000.00.00.H59	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
X	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
47.	2.000131.000.00.00.H59	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
48.	2.000001.000.00.00.H59	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
IX	Lĩnh vực Năng lượng	
49.	2.000484.000.00.00.H59	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Sтт	Mã số	Tên TTHC
I	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
1.	2.000620.000.00.H59	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
2.	2.000181.000.00.H59	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

3. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

Sтт	Mã số	Tên TTHC
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng, công nghệ thực phẩm và công nghệ chế biến khác (Công Thương)	
1.	CX-CT01	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại
2.	CX-CT02	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại
3.	CX-CT03	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật (lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến). Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra tính hợp lệ về nội dung hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và yêu cầu cơ sở bổ sung hồ sơ. Sau 01 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi thì hồ sơ không còn giá trị.

- Thành lập Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở: trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp trên ủy quyền thẩm định thực tế tại cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới thì phải có văn bản ủy quyền. Sau khi thẩm định, cơ quan có thẩm quyền cấp dưới phải gửi Biên bản thẩm định về cho cơ quan thẩm quyền cấp trên để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận.

- Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ban hành quyết định thành lập. Đoàn thẩm định có từ 03 đến 05 thành viên, trong đó phải có ít nhất 02 thành viên làm công tác chuyên môn về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm (có bằng cấp về thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm) hoặc quản lý về an toàn thực phẩm. Đoàn thẩm định thực tế tại cơ sở được mời chuyên gia độc lập có chuyên môn phù hợp tham gia. Trưởng đoàn thẩm định chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở.

- Nội dung thẩm định thực tế tại cơ sở: Kiểm tra tính thống nhất của hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận gửi cơ quan có thẩm quyền với hồ sơ gốc lưu tại cơ sở; Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở theo quy định.

- Kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở: phải ghi rõ “Đạt” hoặc “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện” vào Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất

thực phẩm, cơ sở kinh doanh thực phẩm hoặc cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm.

* **Trường hợp “Không đạt” hoặc “Chờ hoàn thiện”** phải ghi rõ lý do trong Biên bản thẩm định.

Trường hợp “Chờ hoàn thiện”, thời hạn khắc phục tối đa là 03 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 02 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 03 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;

Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.

* **Trường hợp “Đạt”** trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở.

- Biên bản thẩm định thực tế tại cơ sở được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Đoàn thẩm định giữ 01 bản và cơ sở giữ 01 bản.

Bước 3: Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01a: bản chính.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng đối với:

+ **Cơ sở sản xuất thực phẩm:** theo Mẫu số 02a - bản chính;

+ **Cơ sở kinh doanh hoặc chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm:** theo Mẫu số 02b - bản chính;

+ **Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm:** theo Mẫu số 02a và Mẫu số 02b - bản chính.

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp: bản chính

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

- Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở "Không đạt" hoặc "Chờ hoàn thiện" thì nộp thành phần: Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04: bản chính.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là "Đạt").

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Hiệu lực của giấy chứng nhận: có thời gian 03 năm kể từ ngày cấp lần đầu.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Mẫu số 01a - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất)- Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02b đối với cơ sở kinh doanh) - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

l.1. Điều kiện chung:

l.1.1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

l.1.2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;

b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn."

1.2 Điều kiện riêng:

1.2.1 Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

1.2.2 Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

1.2.3 Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT;

1.2.4 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư 43/2018/TT-BCT.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp):
Địa điểm tại:
Điện thoại: Fax:
Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm):

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
 - Cơ sở kinh doanh ^{1,2}
 - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
 - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm
- (tên cơ sở).....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

(1) : Kèm theo Danh sách nhóm sản phẩm

(2) : Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI
(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)

STT	Tên cơ sở thuộc chuỗi	Địa chỉ	Thời hạn GCN	Ghi chú
1				
2				
3				

DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

STT	Tên nhóm sản phẩm	Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận
I	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điêu	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
III	Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

* Nhóm sản phẩm nào mà cơ sở có kinh doanh thì lựa chọn đánh dấu (X) vào cột "Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp GCN"

Mẫu số 02a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					

6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung						
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?.....

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?..... ..

.....
.....
.....

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

.....
.....
.....

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

.....

2. Địa chỉ Cơ sở:

.....

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng.... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện:

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương đăng ký hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm với Cơ quan cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây gọi là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận);

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật (lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến). Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả; Mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2:

a.1 Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

a.2 Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

a.3 Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ, căn cứ hồ sơ lưu, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận xem xét và cấp lại, trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

a.4 Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

Thủ tục, quy trình cấp lại Giấy chứng nhận (tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 17/2020/NĐ-CP) thực hiện tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu. Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền đã cấp Giấy chứng nhận. Trường hợp từ chối cấp lại, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh, việc điều chỉnh Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định Thủ tục, quy trình cấp tương tự trường hợp đề nghị cấp lần đầu. Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh, việc điều chỉnh Giấy chứng nhận theo quy định theo trường hợp a.2 này.

Bước 3: Theo ngày hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b - bản chính

Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b - bản chính

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở)

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.

Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b - bản chính

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở)

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Mẫu số 01b - bản chính

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, áp dụng đối với:

+ *Cơ sở sản xuất thực phẩm:* Mẫu số 02a (bản chính);

+ *Cơ sở kinh doanh hoặc chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm:* Mẫu số 02b (bản chính)

+ *Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm:* theo Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (bản chính)

- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp: bản chính

- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.

- Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở "Không đạt" hoặc "Chờ hoàn thiện" thì nộp thành phần: Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 - bản chính.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp tại mục a.1, a.2, a.3: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp tại mục a.4: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là "Đạt").

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Hiệu lực của giấy chứng nhận:

+ Trường hợp tại mục a.1, a.2, a.3: được tính theo thời hạn của Giấy chứng nhận đã được cấp trước đó.

+ Trường hợp tại mục a.4: trong thời gian 03 năm kể từ ngày cấp lại.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:

+ Trường hợp tại mục a.1, a.2, a.3: không tính phí

+ Trường hợp tại mục a.4: thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Mẫu số 01b - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất) - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ;

- Báo cáo kết quả khắc phục theo Mẫu số 04 - Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính Phủ.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

l.1 Điều kiện chung:

l.1.1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.

l.1.2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;

b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

1.2 Điều kiện riêng:

1.2.1 Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:

- + Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;
- + Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;
- + Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.

1.2.2 Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;

1.2.3 Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm 1.2.1 mục này;

1.2.4 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 và khoản 10 Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm 1.2.1 mục này.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 01b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Tên cơ sở:
đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm,
cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận đã được cấp số: ngày cấp

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (*ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy
định tại các Khoản 2 Điều 12 của Nghị định 17/2020/NĐ-CP*):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(*Ký tên, đóng dấu*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở sản xuất:
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác):
- Điện thoại: Fax
- Mặt hàng sản xuất:
- Công suất thiết kế:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng sản xuất m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất:
- Kết cấu nhà xưởng:
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng:

2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang thiết bị, dụng cụ hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					

6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
II	Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?.....

.....

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

.....

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện
vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đại diện cơ sở:
- Địa chỉ văn phòng:
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh:
- Điện thoại: Fax
- Loại thực phẩm kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên:
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh:
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:.....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định:
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm):.....

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh:
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL:
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân:

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
I	Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có					
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
II	Trang, thiết bị dự kiến bổ sung					
1						
2						
3						

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?..... ..

.....
.....
.....

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

.....
.....
.....

Cam kết của cơ sở:

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

.....

2. Địa chỉ Cơ sở:

.....

3. Số điện thoại: Fax: Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục:

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày...tháng... năm của.....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký tên, đóng dấu)

II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

3. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m³ đến dưới 5.000m³ (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho xăng dầu có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho xăng dầu để hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng 04 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê

duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho xăng dầu thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210 m³ đến dưới 5.000m³ bao gồm:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013.

- Bản sao có chứng thực Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh xăng dầu.

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu xăng dầu khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư: bản chính.

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho xăng dầu

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình.

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có).

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình xăng dầu.

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...))

* Số lượng hồ sơ: 09 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tất cả.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Mẫu văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho xăng dầu của tổ chức, cá nhân - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương;

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

- Nghị định 08/2018/NĐ-Cp ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu tư
kho xăng dầu vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho xăng dầu vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho xăng dầu

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho xăng dầu vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

4. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LPG để hoàn chỉnh hồ sơ

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG các ủy viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng 04 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều

chính quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LPG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m³ bao gồm:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LPG của tổ chức, cá nhân: theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013;

- Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương.

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LPG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LPG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư: bản chính;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LPG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LPG;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...)).

* Số lượng hồ sơ: 09 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tất cả.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Mẫu văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LPG của tổ chức, cá nhân - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương;

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Công văn số 5359/BCT-TTNN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho LPG vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

....(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu tư
kho LPG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm.... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (Tên Chủ đầu tư) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho LPG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho LPG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LPG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho LPG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(Tên Chủ đầu tư) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

5. Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh thực hiện tiếp nhận đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ vào quy hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh phê duyệt.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ Sở Công Thương phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch kho LNG để hoàn chỉnh hồ sơ

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương gửi hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG tới các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến đóng góp.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG các uỷ viên Hội đồng thẩm định phải gửi ý kiến nhận xét bằng văn bản tới Sở Công Thương để tổng hợp.

- Trong vòng 04 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định về việc tổ chức họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG. Hội đồng thẩm định tiến hành họp và thông qua các văn bản: Biên bản phiên họp thẩm định xem xét bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG, Biên bản kiểm phiếu đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG và Kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

- Biên bản phiên họp thông qua bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp thẩm định, nhưng không ít hơn năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Hội đồng thẩm định bỏ phiếu đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG đồng thời Chủ đầu tư phải chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có ít nhất một yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung. Mẫu Biên bản thẩm định và Phiếu đánh giá đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013

- Không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG khi có trên một phần ba (1/3) số thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp thẩm định bỏ phiếu không đồng ý bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ dự án đã được Chủ đầu tư hoàn chỉnh theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (Quy hoạch do cấp Tỉnh lập và phê duyệt) xem xét, phê duyệt Quyết định bổ sung, điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp không bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG, Sở Công Thương phải có văn bản thông báo cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

- Trường hợp Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với các dự án đầu tư kho LNG thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Công Thương và thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư 39/2013/TT-BCT. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ, Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, thẩm định báo cáo kết quả của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trước khi trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch theo quy định. Trường hợp không chấp thuận bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phải thông báo cho Sở Công Thương và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m³ bao gồm:

- Văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LNG của tổ chức, cá nhân: theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013;

- Văn bản chấp thuận về địa điểm đầu tư của cấp có thẩm quyền tại địa phương

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh LNG;

- Báo cáo sơ bộ sự cần thiết của dự án đầu tư, cân đối cung cầu LNG khu vực, sự phù hợp về địa điểm, quy mô; dung tích; các yêu cầu về kỹ thuật an toàn: Phương án phòng cháy, chữa cháy, phương án bảo vệ môi trường; tiến độ của dự án đầu tư; tính toán phương án kinh doanh và hiệu quả dự án đầu tư: bản chính;

- Phương án công nghệ dự kiến áp dụng, các thiết bị công nghệ chính đối với công trình kho LNG;

- Hệ thống kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình;

- Phương án thu xếp vốn đầu tư;

- Bản sao có chứng thực báo cáo tài chính doanh nghiệp ba (03) năm gần nhất doanh nghiệp đã hoạt động trên ba (03) năm, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hai (02) năm gần nhất hoặc một (01) năm gần nhất đối với doanh nghiệp mới hoạt động được hai (02) năm hoặc một (01) năm. Những doanh nghiệp mới thành lập hoặc hoạt động dưới một (01) năm không phải nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Danh mục các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) đã được áp dụng hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và khoảng cách an toàn công trình LNG;

- Bản sao có chứng thực cam kết tài trợ vốn vay của ngân hàng, tổ chức tín dụng (nếu có);

- Các bản vẽ thiết kế chủ yếu của công trình (bản vẽ mặt bằng, bản vẽ sơ đồ công nghệ, bản vẽ kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực (giao thông, đô thị...)).

*** Số lượng hồ sơ:** 09 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tất cả.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định hành chính.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Mẫu văn bản đề nghị bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng kho LNG của tổ chức, cá nhân - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương;

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Không có

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Thông tư 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng;

- Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu văn bản đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho LNG vào quy hoạch
(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ Công Thương)

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....

...(1)....., ngày..... tháng năm

V/v đề nghị bổ sung dự án đầu tư
kho LNG vào quy hoạch

Kính gửi: ...(2)..

Thực hiện quy định về trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG vào quy hoạch tại Thông tư số..... /2013/TT-BCT ngày... tháng....năm..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương, (*Tên Chủ đầu tư*) trình (2) Hồ sơ đề nghị bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư kho LNG vào quy hoạch (3).

I. Thông tin chung về dự án đầu tư kho LNG

1. Tên dự án
2. Tên Chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ...)
3. Địa điểm đầu tư xây dựng công trình kho LNG
4. Quy mô, dung tích kho
5. Nguồn vốn đầu tư
6. Các thông tin khác liên quan (nếu có).

II. Danh mục Hồ sơ đề nghị bổ sung dự án đầu tư kho LNG vào Quy hoạch (3) (Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư).

(*Tên Chủ đầu tư*) trình ..(2)... xem xét bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG nêu trên vào quy hoạch (3) hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(*Ký tên, họ tên và đóng dấu*)

Ghi chú:

- (1) Địa phương nơi đóng trụ sở chính của chủ đầu tư.
- (2) Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân/Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- (3) Tên Quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

III. LĨNH VỰC ĐIỆN

6. Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cấp huyện và Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn tỉnh.

Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Trường hợp không cấp thẻ, sau 02 ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực: bản chính.
- Bản sao văn bằng chuyên môn hoặc quyết định nâng bậc lương công nhân.
- Giấy chứng nhận đạt yêu cầu sát hạch Kiểm tra viên điện lực: bản chính
- 02 ảnh cỡ (2x3) cm.
- Bản khai quá trình công tác có xác nhận của cơ quan, đơn vị: bản chính.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ kiểm tra viên điện lực

- Thời hạn của thẻ có giá trị sử dụng trong 05 năm

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có
- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC): không có.

I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

*** Điều kiện chung:**

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra.

- Đủ sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan; chưa bị xử lý hình sự hoặc đã bị xử lý hình sự nhưng đã được xóa án tích; chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực hoặc đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

*** Điều kiện riêng:**

- Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện;

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

+ Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

- Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện, đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện lực thuộc địa bàn tỉnh:

+ Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

- Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC: Không có

7. Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh thực hiện tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cấp huyện và Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực thuộc địa bàn tỉnh.

Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

- Trường hợp không cấp thẻ, sau 02 ngày làm việc, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị cấp lại thẻ của đơn vị quản lý Kiểm tra viên điện lực: bản chính.

- Đơn đề nghị cấp lại thẻ của Kiểm tra viên điện lực: bản chính

- 02 ảnh cỡ (2x3) cm.

- Thẻ Kiểm tra viên điện lực đối với trường hợp bị hỏng.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ kiểm tra viên điện lực

- Thời hạn của thẻ: trường hợp cấp lại khi hết hiệu lực 05 năm; trường hợp thẻ bị hỏng hoặc bị mất được tính theo thời hạn của thẻ được cấp trước đó.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC): không có.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

*** Điều kiện chung:**

- Được đào tạo về chuyên ngành điện, đã được bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện.

- Nắm vững các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện, các quy định về công tác kiểm tra hoạt động điện lực, sử dụng điện; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, phân tích, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết theo chức năng của công tác kiểm tra.

- Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan; chưa bị xử lý hình sự hoặc đã bị xử lý hình sự nhưng đã được xóa án tích; chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực hoặc đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

*** Điều kiện riêng:**

- Kiểm tra viên điện lực cấp huyện phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành điện;

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện hoặc làm công tác quản lý kỹ thuật, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

+ Được bố trí công tác tại phòng chuyên môn có chức năng theo dõi về các hoạt động trong lĩnh vực điện lực tại thời điểm đề nghị cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực.

+ Đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

- Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện, đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện lực thuộc địa bàn tỉnh:

+ Có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện; có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành điện hoặc là công nhân kỹ thuật điện từ bậc 5/7 trở lên đối với Kiểm tra viên điện lực của đơn vị bán buôn điện, đơn vị bán lẻ điện.

+ Có thời gian công tác trong lĩnh vực quản lý lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối, kinh doanh điện từ 03 năm trở lên.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

- Thông tư số 31/2018/TT-BCT ngày 05/10/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31/10/2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC: Không có

8. Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện theo quy định về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 2: Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét các điều kiện thực tế khác để tổ chức huấn luyện.

- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức huấn luyện, kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp mới thẻ an toàn điện nhưng không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp mới thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp mới thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Người sử dụng lao động đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động; bản chính

- 02 ảnh (2x3) cm.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ an toàn điện

- Thời hạn của thẻ An toàn điện: kể từ khi cấp mới tới khi thu hồi

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo mẫu đề nghị cấp mới thẻ an toàn điện tại Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công

Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo mới được tuyển dụng hoặc chuyển từ công việc khác sang.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Tên tổ chức, đơn vị _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh tổ chức huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện cho người lao động của(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Ghi chú
1			
2			
...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: ; Fax:

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)

9. Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện theo quy định về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 2: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.

- Sở Công Thương quy định cụ thể thời gian tổ chức, thời gian kiểm tra sát hạch căn cứ vào tình hình thực tế, số lượng người lao động được đề nghị huấn luyện, cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động được huấn luyện và kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu, Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối huấn luyện, sát hạch và cấp sửa đổi bổ sung thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Người sử dụng lao động đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động: bản chính

- 02 ảnh (2x3)cm.

- Thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ an toàn điện

- Thời hạn của thẻ An toàn điện: từ khi được cấp đến khi thu hồi

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo mẫu đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện tại Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng

Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo có thay đổi bậc an toàn.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Tên tổ chức, đơn vị _____ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện cho người lao động của(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Bậc an toàn điện hiện tại	Bậc an toàn điện mới
1				
2				
...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị: ...

- Địa chỉ: ...

- Điện thoại: ...

; Fax: ...

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)

10. Cấp lại thẻ an toàn điện (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Người sử dụng lao động gửi hoặc nộp hồ sơ đề nghị huấn luyện, cấp lại thẻ an toàn điện theo quy định về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh

Bước 2: Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương xem xét tính hợp lệ của hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu người sử dụng lao động bổ sung hồ sơ.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thực hiện cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động.

- Trường hợp từ chối cấp lại thẻ an toàn điện, Sở Công Thương phải trả lời người sử dụng lao động bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Người sử dụng lao động đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động: Ghi đầy đủ họ tên, công việc và bậc an toàn hiện tại của người lao động: bản chính

- 02 ảnh (2x3)cm.

- Thẻ an toàn điện cũ (nếu có) của người lao động

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thẻ an toàn điện

- Thời hạn của thẻ An toàn điện: kể từ khi cấp mới khi thu hồi

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo mẫu đề nghị cấp lại thẻ an toàn điện tại Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Người làm công việc vận hành, sửa chữa điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo làm mất hoặc làm hỏng thẻ an toàn điện.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

- Quyết định số 9511/QĐ-BCT ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Tên tổ chức, đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm 20...

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện.

..... (Tên tổ chức, đơn vị)... đề nghị Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh cấp lại thẻ an toàn điện cho người lao động của(Tên tổ chức, đơn vị)... có danh sách sau đây:

TT	Họ và tên	Công việc hiện tại	Bậc an toàn điện hiện tại	Lý do cấp lại/số thẻ cũ
1				
2				
...

Thông tin liên hệ:

- Tên tổ chức, đơn vị: ...

- Địa chỉ: ...

- Điện thoại: ... ; Fax: ...

Người sử dụng lao động
(Ký tên, đóng dấu)

IV. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

11. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, nơi đặt cơ sở sản xuất đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP (theo mẫu 01a Phụ lục 01 của Thông tư 32/2017/TT-BCT): bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: bản sao

- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành: bản sao

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

- Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất: bản sao

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa: bản sao

- Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất theo Mẫu 01g - Phụ lục I Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương: bản chính

- Bảng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất: bản sao

- Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP) gồm: (1) Nội dung huấn luyện, (2) Danh sách người được huấn luyện với các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, vị trí làm việc, chữ ký xác nhận tham gia huấn luyện, (3) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác, kèm theo các tài liệu chứng minh, (4) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất; (5) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.

- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Văn bản đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo Mẫu số 01a - Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.

- Bản kê khai thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo Mẫu 01g - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Điều kiện sản xuất:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 01g

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA
CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

STT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
n						

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính

Mẫu số 01a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)
Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh
có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên tổ chức/cá nhân: ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp
ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa
chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

1. Hóa chất sản xuất:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	100	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

2. Hóa chất kinh doanh:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	500	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất, kinh doanh";
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

12. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật, lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, nơi đặt cơ sở sản xuất đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận.

- Trường hợp không cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy Chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 01c tại Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương: bản chính.

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

- * Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ
- d. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân
- g. Cơ quan giải quyết TTHC:**
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- h. Kết quả giải quyết TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
- i. Phí, lệ phí (nếu có):**
- Phí thẩm định: 600.000 đồng/Giấy chứng nhận
 - Lệ phí: không có
- k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):**
- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo Mẫu số 01c - Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.
- l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**
- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
 - Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất;
 - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải được huấn luyện an toàn hóa chất
 - Điều chỉnh Giấy chứng nhận trong trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh.
- m. Căn cứ pháp lý của TTHC:**
- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
 - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
 - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
 - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
 - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.
- B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:**

Mẫu số 01c

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất,
kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:, Điện thoại:Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do
..... cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số.....⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:.....⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:

..... ⁽⁷⁾

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất, kinh doanh";
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

13. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật, lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, nơi đặt cơ sở kinh doanh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian hoàn chỉnh hồ sơ không được tính vào thời gian cấp Giấy chứng nhận;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân đồng thời gửi 01 bản cho Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định 113/2017/NĐ-CP: theo Mẫu số 01a - Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương (bản chính)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: bản sao.

- Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh: bản chính.

- Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành: bản sao

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với

từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy: bản sao;

- Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

- Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất: bản sao

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất: bản sao

- Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất theo Mẫu 01g- Phụ lục I Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương: bản chính

- Bảng trung cấp trở lên chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất: bản sao

- Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP) gồm: (1) Nội dung huấn luyện, (2) Danh sách người được huấn luyện với các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, vị trí làm việc, chữ ký xác nhận tham gia huấn luyện, (3) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác, kèm theo các tài liệu chứng minh, (4) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất; (5) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân.

- Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Văn bản đề nghị cấp giấy Chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo Mẫu số 01a - Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.

- Bản kê khai thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất theo Mẫu 01g - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Điều kiện kinh doanh:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vật chất – kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1,2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;
 - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 01g

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾

..... ⁽³⁾, ngày tháng năm

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
 TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA
 CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

STT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
n						

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
 (Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

Mẫu số 01a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)
Tên tổ chức, cá nhân⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh
có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương

Tên tổ chức/cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:Điện thoại:Fax:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp
ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa
chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

1. Hóa chất sản xuất:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	100	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

2. Hóa chất kinh doanh:

ST T	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần ⁽⁵⁾				Khối lượng ⁽⁶⁾	Đơn vị tính ⁽⁷⁾	Ghi chú
		Tên hóa học	Mã CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng			
1	VD: ABC	Axeton	67-64-1	C ₃ H ₆ O	30%	500	Tấn/năm	
		Toluen	108-88-3	C ₇ H ₈	20%			
2								
n								

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất, kinh doanh";
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

14. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định của Pháp luật, lựa chọn cách thức phù hợp thực hiện nộp TTHC: trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc trực tuyến.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, nơi đặt cơ sở kinh doanh đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận.

- Trường hợp không cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận, Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đặt cơ sở kinh doanh phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy Chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 01c tại Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương: bản chính.

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp; giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 600.000 đồng/Giấy chứng nhận

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo Mẫu số 01c - Phụ lục 1 Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính phủ phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

- Điều chỉnh Giấy chứng nhận trong trường hợp có thay đổi về địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 01c

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Tên tổ chức, cá nhân ⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ ⁽³⁾, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp

Kính gửi: Sở Công Thương ...

Tên tổ chức/cá nhân:..... ⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính tại:, Điện thoại:Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:....., Điện thoại: Fax:.....

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số..... ⁽⁵⁾ ngày.... tháng....năm....., thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:..... ⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:

..... ⁽⁷⁾

..... ⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:..... ⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng trụ sở chính;
- (4): Ghi rõ "sản xuất" hoặc "kinh doanh" hoặc "sản xuất, kinh doanh";
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

15. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong vòng 08 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Sở Công Thương tiến hành tổ chức huấn luyện, kiểm tra, sát hạch và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm (Giấy chứng nhận);

- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ;

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục 6 Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương.

- Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính) hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) Giấy phép lái xe phù hợp với loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng để vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

- 02 ảnh cỡ (3 x 4) cm của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

d. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận

i. Phí, lệ phí (nếu có): không có quy định

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, để nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu 1 quy định tại Phụ lục 6 Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, người áp tải, nhân viên xếp dỡ và thủ kho hàng công nghiệp nguy hiểm phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn trong vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm;

- Có sức khỏe đáp ứng yêu cầu của từng ngành nghề theo quy định pháp luật lao động hiện hành;

- Được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với hàng công nghiệp nguy hiểm vận chuyển theo quy định hiện hành về an toàn lao động.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đường sắt;

- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

- Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định Danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu 1- Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn
vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm**

Kính gửi:

Tôi là *(ghi rõ họ tên bằng chữ hoa)*.....Nam / Nữ

Sinh ngày:...../...../.....Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số CMND (hoặc Hộ chiếu).....Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Thông tư số 44/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm cho tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo:

.....

V. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

16. Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải thực hiện việc công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

- Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá; Hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận; Hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận được chỉ định.

- Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

Bước 1: Tổ chức, cá nhân phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động, sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu; Lập 01 bộ hồ sơ công bố hợp quy và nộp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra thành phần của hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Công Thương tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy:

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (theo Mẫu 3. TBTNHS quy định tại Phụ lục III Thông tư 28/2012/TT-BKHCN).

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp hoặc có giá trị 03 năm kể từ ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo đánh giá hợp quy (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy);

- Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, cơ quan chuyên ngành thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

Bước 3: Theo ngày giờ hẹn trả kết quả, tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ theo quy định).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà

Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại 0294 3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:
www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 02/2017/TT-BKHCHN);

- Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau:

+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;

+ Tên sản phẩm, hàng hóa;

+ Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật;

+ Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;

+ Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.

2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 02/2017/TT-BKHCHN);

- Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân”.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có;

- Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Bản công bố hợp quy (theo Mẫu 2. CBHC/HQ quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN và nội dung bổ sung quy định tại khoản 7

Điều 1 Thông tư 02/2017/TT-BKHCN) – mẫu được điều chỉnh tại văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BKHCN ngày 28/8/2017

I. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận:

- Tổ chức, cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, tổ chức, cá nhân phải kịp thời báo cáo cơ quan chuyên ngành, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24/11/2015 của Bộ Công Thương quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP CHUẨN/HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)
.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)
.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):
.....

Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận/tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận;
.....

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.
.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
(sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

VI. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

17. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh: Bản sao

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng: Bản sao

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào chai

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:

+ Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai/LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải - Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO CHAI
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do cấp ngày...
..... tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

18. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào chai.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):
- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do
..... cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP
ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

19. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
(Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào chai.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh;
- Thay đổi địa điểm trụ sở chính;
- Thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

20. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh: Bản sao.

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng: bản sao

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào xe bồn.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai/LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải - Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
 - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO XE BỒN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngàythángnăm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

21. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào xe bồn.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):
- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
do cấp ngày tháng năm
Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện :
Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện
..... theo quy định tại Nghị định
số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

22. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào chai.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có
- k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):**
- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh;
- Thay đổi địa điểm trụ sở chính;
- Thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:
Giấy chứng nhận đủ điều kiện :
Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

....., ngàythángnăm.....
ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

23. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh: Bản sao

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng: Bản sao

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:
+ Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai/LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải - Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LPG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

24. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, để nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

..... theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàythángnăm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

25. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại

Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh;

- Thay đổi địa điểm trụ sở chính;

- Thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại

Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

26. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
(Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh: Bản sao

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng:
Bản sao

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định
 - Lệ phí: không có
 - k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):**
 - Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai/LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải - Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.
 - l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):**
 - Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.
 - Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.
 - Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.
 - m. Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
 - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá
- B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:**

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP LNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
 do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

27. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng..... năm.....

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

..... theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

28. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh;
- Thay đổi địa điểm trụ sở chính;
- Thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

29. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh: Bản sao

- Tài liệu chứng minh trạm nạp được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng: Bản sao

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy: bản sao

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí:

+ Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai/LPG vào xe bồn/nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải - Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Trạm nạp phải thuộc thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Trạm nạp phải được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng.

- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
TRẠM NẠP CNG VÀO PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, cụ thể:

Tên trạm nạp:

Địa chỉ trạm nạp:

Điện thoại: Fax:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

30. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp lại Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày..... tháng..... năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

..... theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

31. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ).

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP: bản chính.

- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi: bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân có trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện - Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh;

- Thay đổi địa điểm trụ sở chính;

- Thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh.

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

do cấp ngày tháng năm

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện :

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại

Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

....., ngàytháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VII. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC

32. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng). Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép cho thương nhân theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000).

- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất: Bản chính.

- Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

- Thời hạn của Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp là 15 năm.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
.....⁽¹⁾

Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:
Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:
Địa điểm sản xuất/kinh doanh:
Điện thoại:..... Fax:
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
Đề nghị ⁽²⁾..... xem xét cấp Giấy phép ...⁽¹⁾....., cụ thể là:
(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ⁽³⁾.....

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ⁽⁴⁾.....

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:⁽⁵⁾

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.....
Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:
⁽⁵⁾.....

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: **Được phép tổ chức**

bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:
⁽⁵⁾.....

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

⁽⁶⁾..... xin cam đoan thực hiện

đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

⁽⁴⁾: Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

⁽⁵⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ.

⁽⁶⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

33. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân sản xuất rượu công nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.
- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật
- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.
- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.
- Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.
- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.
- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:
 Địa điểm sản xuất/kinh doanh:
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do
 cấp ngày..... tháng năm.....;
 Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp số do
 cấp ngày ... tháng ... năm ...
 Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số
 do
 cấp ngày tháng ... năm
⁽³⁾ đề nghị⁽²⁾ xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾

2. Bổ sung:⁽⁴⁾

.....⁽³⁾ xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

34. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

*** Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:**

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

*** Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:**

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng). Thương nhân sản xuất rượu công nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).

- Thời hạn của Giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất.

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép (1).....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do.....

cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Giấy phép (1) đã được cấp số..... do

cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép..... (1) đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do.....
cấp ngày..... tháng năm

..... (3) đề nghị (2) xem xét cấp lại Giấy

phép (1), với lý do cụ thể như sau: (4)

..... (3) xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực

và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

35. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân bán buôn rượu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020;

- Bản sao giấy phép đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu - Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh

hàng hoá dịch vụ hạn chế kinh doanh hàng hoá dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...

Kính gửi:⁽²⁾

Tên thương nhân:
 Địa chỉ trụ sở chính:
 Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:
 Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do

..... cấp ngày..... tháng năm.....;

Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp số do.....
 cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép⁽¹⁾ đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số
 do

..... cấp ngày tháng ... năm

.....⁽³⁾ đề nghị⁽²⁾ xem xét cấp sửa đổi (hoặc
 bổ sung) Giấy phép.....⁽¹⁾, với lý do cụ thể như sau:

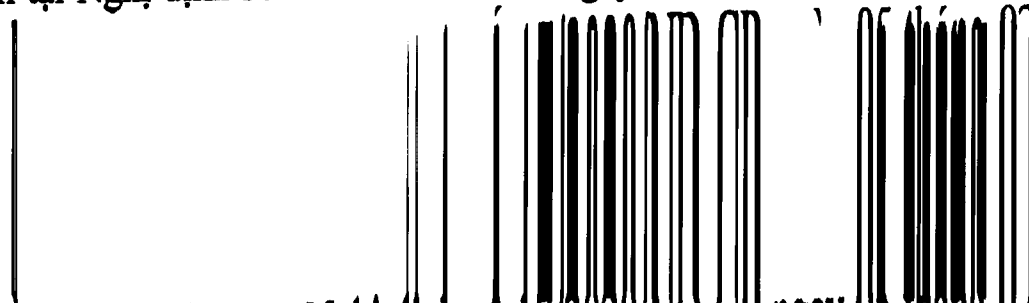
1. Sửa đổi:

Thông tin cũ:

Thông tin mới:⁽⁴⁾

2. Bổ sung:⁽⁴⁾

.....⁽³⁾ xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của



Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.
- ⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- ⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.
- ⁽⁴⁾: Nội dung sửa đổi, bổ sung.

36. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

*** Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:**

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

*** Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:**

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng). Thương nhân bán buôn rượu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Hồ sơ cấp lại đối với trường hợp này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: cấp lại Giấy phép bán buôn rượu.

- Cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Thời hạn của Giấy phép là 05 năm. Cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: Thời hạn của Giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

*** Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:**

- Phí thẩm định:

+ Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

+ Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí: không có

*** Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:**

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu - Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Mẫu số 03

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy phép (1).....
(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số..... do.....

..... cấp ngày..... tháng..... năm.....;

Giấy phép (1) đã được cấp số..... do

..... cấp ngày tháng..... năm

Giấy phép..... (1) đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số do.....

cấp ngày..... tháng năm

..... (3) đề nghị (2) xem xét cấp lại Giấy phép (1), với lý do cụ thể như sau: (4)

..... (3) xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực

và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

⁽¹⁾: Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

⁽²⁾: Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

⁽³⁾: Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

⁽⁴⁾: Lý do xin cấp lại.

37. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Thương nhân có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh để đầu tư trồng cây thuốc lá, gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 4 Thông tư số 57/2018/TT-BCT (Bản chính).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Bản sao Hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá.

- Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu là thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 5 Thông tư số 57/2018/TT-BCT (Bản chính)

- Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của UBND cấp xã - theo mẫu Phụ lục 6 Thông tư số 57/2018/TT-BCT (Bản chính)

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.

- Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 4 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương

- Bảng kê tổng hợp diện tích trồng cây thuốc lá, dự kiến sản lượng nguyên liệu là thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 5 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương

- Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của UBND cấp xã - theo mẫu Phụ lục 6 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá;

- Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

- Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Phụ lục 4

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Kính gửi: ⁽¹⁾

1. Tên doanh nghiệp :

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do.....

..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

4. Đề nghị ⁽¹⁾ xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trồng cây thuốc lá, cụ thể như sau:

- Loại cây thuốc lá : ⁽²⁾; Diện tích trồng cây thuốc lá (ha)

- Địa điểm trồng cây thuốc lá:

⁽³⁾

xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

(2): Ghi cụ thể các loại cây thuốc lá (ví dụ: thuốc lá vàng sáy, thuốc lá Burley, thuốc lá Nâu...)

(3): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Phụ lục 5

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP
.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BẢNG KÊ
DỰ KIẾN DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG
CỦA DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ TRỒNG CÂY THUỐC LÁ

Số TT	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá (1)	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thuốc lá vàng sậy				
2	Thuốc lá Burley				
3	Thuốc lá Nâu				
....	Thuốc lá				
Tổng cộng					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi dự kiến trồng cây thuốc lá.

Phụ lục 6

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**BẢNG KÊ
DANH SÁCH NGƯỜI TRỒNG CÂY THUỐC LÁ**

Số TT	Tên người trồng cây thuốc lá	Hộ khẩu thường trú	Loại cây thuốc lá	Địa điểm trồng cây thuốc lá (1)	Diện tích (ha)
1	Nguyễn Văn A		Thuốc lá vàng sáy		
			Thuốc lá Burley		
			Thuốc lá Nâu		
			Thuốc lá....		
2	Nguyễn Văn B		Thuốc lá vàng sáy		
			Thuốc lá Burley		
			Thuốc lá Nâu		
			Thuốc lá....		
...	...				
Tổng cộng					

Doanh nghiệp xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng, nếu sai doanh nghiệp hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên và đóng dấu)

Xác nhận của UBND cấp xã
(ký tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên xã, huyện, tỉnh nơi trồng cây thuốc lá.

38. Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (Mức độ: 3)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Thương nhân mua bán nguyên liệu thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu điện: tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT (Bản chính).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Bảng kê diện tích, sơ đồ kho tàng, văn phòng làm việc và các khu phụ trợ khác.

- Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương
- h. Kết quả giải quyết TTHC:** Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.
- Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí thẩm định:
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
 - + Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá - theo mẫu Phụ lục 8 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;
- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;
- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;
- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.
- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Phụ lục 8

(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP MUA BÁN NGUYÊN LIỆU THUỐC LÁ**

Kính gửi: ⁽¹⁾.....

1. Tên doanh nghiệp :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:..... Fax:
3. Văn phòng đại diện (nếu có)
- Điện thoại Fax
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số do.....
..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
5. Đề nghị ⁽¹⁾..... xem xét cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, cụ thể như sau:
 - Loại nguyên liệu thuốc lá : ⁽²⁾.....;
 - Được phép nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá của các doanh nghiệp: ⁽³⁾.....;
 - Những hồ sơ liên quan đính kèm theo quy định gồm:

⁽⁴⁾.....
xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

(1): Tên cơ quan cấp Giấy phép

(2): Ghi cụ thể các loại nguyên liệu thuốc lá (ví dụ: lá thuốc lá, sợi thuốc lá, thuốc lá tẩm, lá tách cọng...).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các doanh nghiệp ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu.

(4): Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép.

VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

39. Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (Mức độ: 4)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Khi có một trong các thay đổi liên quan đến: a) Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương; b) Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Doanh nghiệp được bổ sung hồ sơ 01 lần trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

- Xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương: Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ.

- Trường hợp từ chối xác nhận, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:
www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP;

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

- 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có) hoặc 01 văn bản ủy quyền cho người đại diện tại địa phương, kèm theo 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu của người đại diện đó trong trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Khi có một trong các thay đổi liên quan đến:

- Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương;

- Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

40. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (Mức độ: 4)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2:

** Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương:*

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức: Gửi qua bưu điện; Thư điện tử; Hệ thống công nghệ thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

** Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi:*

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 và Báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ tới Sở Công Thương.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Sở Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương và công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, thông báo cho Bộ Công Thương theo một trong các phương thức: Gửi qua bưu điện; Thư điện tử; Hệ thống công nghệ thông tin quản lý bán hàng đa cấp của Bộ Công Thương.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp phát sinh tại địa phương theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp phát sinh tại địa phương theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): không

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO**CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:

Do:

Cấp lần đầu ngày:/...../...... Lần thay đổi gần nhất:/...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:/...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

**Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp
tại địa bàn tỉnh/thành phố..... như sau:**

1. Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Thời gian bắt đầu chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

3. Thông tin liên hệ tại trụ sở chính:

Người liên hệ:

Chức vụ:

Điện thoại: Fax:

Email:

4. Thông tin liên hệ tại địa phương:

4.1. Tên doanh nghiệp/chỉ nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (nếu có):

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Người đứng đầu:

Điện thoại liên hệ của người đứng đầu: Email:

4.2. Người đại diện tại địa phương (trường hợp doanh nghiệp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):

Họ tên:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu số:

Do: Cấp ngày:/...../.....

Điện thoại: Fax: Email:

Địa chỉ liên lạc:

5. Tài liệu kèm theo:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Đối với báo cáo định kỳ năm, doanh nghiệp cung cấp số liệu từ ngày 01 tháng 01 ước tính tới ngày 31 tháng 12 của năm.
 (2) Doanh nghiệp gửi kèm theo bản điện tử qua thư điện tử các nội dung liên quan trong báo cáo.

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 BÁN HÀNG ĐA CẤP PHÁT SINH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
 Kỳ báo cáo

Kính gửi:

Tên doanh nghiệp:.....
 Địa chỉ:.....
 Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại địa phương (nếu có):.....
 Địa chỉ:.....
 Điện thoại:..... Email:.....
 Người đại diện tại địa phương (trường hợp không có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện tại địa phương):.....
 Địa chỉ:.....
 Điện thoại:..... Email:.....

1. Hoạt động bán hàng đa cấp của trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương

STT	Trụ sở chính/Chi nhánh/Văn phòng đại diện/Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Người đứng đầu	Điện thoại liên hệ	Tình trạng hoạt động hiện tại
1					
2					
3					

(Doanh nghiệp kê khai đầy đủ thông tin về trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương. Tình trạng hoạt động hiện tại của chi nhánh/địa điểm kinh doanh: đang hoạt động hoặc đã ngừng hoạt động.)

2. Mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương

- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương tính đến thời điểm báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương phát sinh mới trong kỳ báo cáo
- + Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương chấm dứt hợp đồng trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)

3. Doanh thu bán hàng đa cấp tại địa phương

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Doanh thu chưa gồm VAT (triệu đồng)	Doanh thu bao gồm VAT (triệu đồng)
1	Thực phẩm chức năng/Thực phẩm bổ sung sức khỏe		
2	Mỹ phẩm		
3	Quần áo/Thời trang		

4	Thiết bị		
5	Đồ gia dụng		
6	Khác		
7	Tổng cộng		

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên doanh thu bán hàng đa cấp cho người tham gia, khách hàng tại địa phương)

4. Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trả cho người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương

Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương nhận hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trong kỳ báo cáo

(Chỉ tiêu báo cáo: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; mã số người tham gia; doanh thu bán hàng trong kỳ; giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

5. Kết quả hoạt động kinh doanh

(Nội dung này chỉ áp dụng đối với báo cáo định kỳ năm)

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Các khoản giảm trừ	
2	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Doanh thu từ bán hàng đa cấp	
	Doanh thu khác	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	
4	Giá vốn hàng bán	
	Giá vốn mặt hàng đa cấp	
	Giá vốn ngoài mặt hàng đa cấp (nếu có)	
5	Chi phí quản lý, kinh doanh	
	Chi phí hoa hồng	
	Chi phí khuyến mãi	
	Chi phí bán hàng khác	
	Chi phí quản lý	
	Chi phí tài chính	
6	Lợi nhuận trước thuế	
7	Lợi nhuận sau thuế	

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên báo cáo gửi cơ quan thuế tại các địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh)

6. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
1	Thuế môn bài	
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	
3	Thuế xuất nhập khẩu	
4	Thuế thu nhập cá nhân (của người lao động)	
5	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người tham gia BHĐC	
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
7	Khác	
	Tổng cộng	

(Doanh nghiệp báo cáo nội dung này dựa trên báo cáo gửi cơ quan thuế tại các địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh)

7. Chương trình khuyến mại tại địa phương

STT	Tên chương trình khuyến mại	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Giá trị khuyến mại đăng ký/thông báo	Giá trị khuyến mại thực hiện
1					
2					
3					

(Kết quả thực hiện các chương trình khuyến mại trong kỳ báo cáo)

8. Tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại địa phương

STT	Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Nội dung	Số lượng người tham dự
1					
2					
3					

(Các hội nghị, hội thảo đào tạo được doanh nghiệp thông báo tới Sở Công Thương và thực hiện trong kỳ báo cáo)

9. Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp

STT	Họ tên	CMND	Mã số người tham gia	Điện thoại	Thời gian đào tạo	Phương thức đào tạo	Ngày cấp Thẻ thành viên
1							
2							
3							

(Đào tạo cơ bản cho người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương trong kỳ: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; thời gian đào tạo; phương thức đào tạo; ngày cấp Thẻ thành viên)

10. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp

STT	Họ tên	CMND	Mã số người tham gia	Điện thoại	Giá trị hàng hóa trả lại	Khấu trừ	Giá trị đã chi trả	Giá trị còn lại
1								
2								
3								
Tổng cộng								

(Danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương có yêu cầu trả lại hàng hóa: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; giá trị hàng hóa trả lại; giá trị khấu trừ; giá trị đã chi trả; giá trị còn lại)

**Đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp/Chi nhánh/VPĐD
(ký tên, đóng dấu)**

41. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp
(Mức độ: 4)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo. Ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện, Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

- Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

- Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

- Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính công ích. Thông tin về nội dung chương trình thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp mà thương nhân đã thông báo và được duyệt hợp lệ, Sở Công Thương đăng công khai nội dung trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ www.sct.travinh.gov.vn theo quy định của pháp luật.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh:
www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP (Bản chính);

- Nội dung, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến (Bản chính)

- Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên (Bản chính)

- 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Doanh nghiệp đa cấp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo như đã thông báo.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): không

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

**THÔNG BÁO TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO
VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):⁽¹⁾

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....

Do:

Cấp lần đầu ngày:...../...../.....Lần thay đổi gần nhất:...../...../.....

Địa chỉ của trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số:

Do: Cấp lần đầu ngày:...../...../.....

Cấp sửa đổi, bổ sung lần ngày

3. Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương số:

Do: Cấp ngày:...../...../.....

**Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
tại tỉnh/thành phố..... như sau⁽²⁾:**

1. Tên hội nghị, hội thảo, đào tạo:

2. Thời gian tổ chức:

3. Địa điểm tổ chức:

4. Nội dung:

5. Số lượng người tham gia dự kiến:

6. Văn bản, tài liệu kèm theo:

.....

.....

.....

7. Người liên hệ:..... Điện thoại:

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

**Đại diện theo pháp luật
của doanh nghiệp/Chi nhánh/ Văn phòng đại diện
(Ký tên và đóng dấu)**

Ghi chú:

⁽¹⁾ Thông tin về doanh nghiệp hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương.

⁽²⁾ Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo.

IX. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

42. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp lập hồ sơ đề nghị đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp chưa hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra cho tổ chức đề nghị;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, Sở Công Thương tổ chức huấn luyện, kiểm tra;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Công Thương thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

c.1. Trường hợp hồ sơ đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho người quản lý:

- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP: Bản sao.

c.2. Trường hợp hồ sơ đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định 71/2018/CP trừ người quản lý:

- Giấy đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- Danh sách người đề nghị được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

- Tài liệu huấn luyện chi tiết phù hợp cho từng đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP: Bản sao.

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy định về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP: Bản sao.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

- Hiệu lực: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 02 năm.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: Không có

- Lệ phí: Không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

* **Điều kiện chung:**

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP:

* **Điều kiện riêng:**

Người huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Hóa chất, vũ khí đạn, công nghệ hóa học về thuốc phóng, thuốc nổ, công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất, xây dựng công trình, giao thông, thủy lợi, địa vật lý, dầu khí và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kể trở lên hoặc làm quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp từ 03 năm liền kể trở lên; có kiến thức pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

.....⁽¹⁾.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾.....⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾.../.

.....⁽⁵⁾....., ngày tháng ... năm

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- (2) Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);
- (3) Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);
- (4) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh.);
- (5) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN⁽¹⁾...

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cư trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾ ..., ngày tháng ... năm ...
⁽⁴⁾
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
- (2) Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);
- (3) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

43. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Tổ chức hoạt động tiền chất thuốc nổ lập hồ sơ đề nghị Sở Công Thương kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận; tổ chức gửi hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp chưa hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức đề nghị;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra, Sở Công Thương tổ chức huấn luyện, kiểm tra;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Công Thương thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Giấy đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 01 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- Danh sách người đề nghị được huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn (Mẫu số 02 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ): Bản chính.

- 02 ảnh (3×4 cm) của người trong danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;
- Tài liệu huấn luyện chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 71/2018/NĐ-CP: Bản sao.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.

- Hiệu lực: Thời hạn của Giấy chứng nhận là 02 năm.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: theo quy định Bộ Tài chính (nếu có)

- Lệ phí: theo quy định Bộ Tài chính (nếu có).

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

- Danh sách đề nghị huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn theo Mẫu số 02 tại Phụ lục Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

* *Điều kiện chung:*

- Được huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP:

* *Điều kiện riêng:*

Người huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ phải có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về tiền chất thuốc nổ.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

.....⁽¹⁾.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**
.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên cơ sở hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ:

Nơi đặt trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Thực hiện Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

...⁽¹⁾... đề nghị ...⁽⁴⁾... ..⁽²⁾.....**giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn**⁽³⁾..... (danh sách kèm theo) cho các đối tượng liên quan tới hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của ...⁽¹⁾.../.

.....⁽⁵⁾..., ngày tháng ... năm

.....⁽⁶⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Hồ sơ gửi kèm theo:

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- (2) Nội dung đề nghị (Ví dụ: Kiểm tra, cấp hoặc huấn luyện, kiểm tra, cấp hoặc cấp lại);
- (3) Lĩnh vực huấn luyện (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ);
- (4) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận huấn luyện (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh..);
- (5) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HUẤN LUYỆN, KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN⁽¹⁾...

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nơi cư trú	Đăng ký ⁽²⁾
1						
2						
...						

.....⁽³⁾ ..., ngày tháng ... năm ...
⁽⁴⁾
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Lĩnh vực hoạt động (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ);
- ⁽²⁾ Đăng ký kiểm tra, cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, người được giao quản lý kho vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽³⁾ Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quảng Ninh);
- ⁽⁴⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

44. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lập hồ sơ đề nghị Sở Công Thương cấp Giấy phép, hồ sơ gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp chưa hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định và cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo Mẫu số 1 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018: Bản chính.

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự: Bản sao.

- Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp.

- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Bản chính.

- Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản: Bản chính.

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Bản sao.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ: Bản sao.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, doanh nghiệp.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Hiệu lực: Thời hạn của Giấy phép theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản nhưng không quá 05 năm; theo thời hạn công trình nhưng không quá 02 năm đối với trường hợp phục vụ thi công công trình, thử nghiệm, thăm dò khoáng sản, hoạt động dầu khí và hoạt động khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- **Phí:** Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được quy định cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa	5.000.000
2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình	4.000.000
3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	3.500.000
4	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	2.000.000

- **Lệ phí:** theo quy định Bộ Tài chính (nếu có).

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo Mẫu số 1 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký hoạt động ngành, nghề, lĩnh vực cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Có hoạt động khoáng sản, dầu khí hoặc công trình xây dựng, công trình nghiên cứu, thử nghiệm hoặc thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Có kho, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

- Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo điều kiện về an ninh, trật tự phòng cháy và chữa cháy, vệ sinh môi trường; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với công trình, đối tượng cần bảo vệ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định có liên quan.

- Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự; có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm, được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Quy mô sử dụng thuốc nổ trong 01 quý từ 500kg trở lên, trừ trường hợp sử dụng thuốc nổ để thử nghiệm, thăm dò, đánh giá địa chất.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

.....⁽¹⁾.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.....
Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày tháng ... năm 20 ...

Đề nghị cấp:⁽³⁾.....

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... cho

doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

⁽²⁾ Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;

⁽³⁾ Loại hình cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);

⁽⁴⁾ Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

⁽⁵⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ.

45. Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lập hồ sơ đề nghị Sở Công Thương cấp lại Giấy phép, hồ sơ gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp chưa hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương kiểm tra, thẩm định và cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp.

- Trường hợp từ chối cấp, Sở Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Báo cáo hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của giấy phép đã cấp: Bản chính

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo Mẫu số 1 tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018: Bản chính.

- Bản sao Quyết định thành lập hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc bản sao Giấy phép thầu do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự: Bản sao.

- Bản sao Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản, dầu khí đối với doanh nghiệp hoạt động khoáng sản, dầu khí; bản sao quyết định trúng thầu thi công công trình, bản sao hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của tổ chức quản lý doanh nghiệp.

- Thiết kế, bản vẽ thi công các hạng mục công trình xây dựng, thiết kế khai thác mỏ có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với công trình quy mô công nghiệp; phương

án thi công, khai thác đối với hoạt động xây dựng, khai thác thủ công. Thiết kế hoặc phương án do chủ đầu tư phê duyệt phải bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Bản chính.

- Phương án nổ mìn được lãnh đạo doanh nghiệp ký duyệt. Trường hợp nổ mìn trong khu vực dân cư, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, khu vực có di tích lịch sử - văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định của pháp luật thì phương án nổ mìn phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đồng ý bằng văn bản: Bản chính.

- Văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho vật liệu nổ công nghiệp và điều kiện bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: Bản sao.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho hoặc không có phương tiện vận chuyển, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải có bản sao hợp đồng nguyên tắc thuê kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp với tổ chức, doanh nghiệp có kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bảo đảm điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phòng cháy và chữa cháy hoặc bản sao hợp đồng nguyên tắc với tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để cung ứng vật liệu nổ công nghiệp đến công trình theo hộ chiếu nổ mìn.

- Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Giấy phép lao động của người nước ngoài làm việc có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); bản sao chứng chỉ chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của người chỉ huy nổ mìn và đội ngũ thợ mìn.

- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc Chứng minh Công an nhân dân của người đến liên hệ: Bản sao.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, doanh nghiệp.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Hiệu lực: Thời hạn của Giấy phép theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản nhưng không quá 05 năm; theo thời hạn công trình nhưng không quá 02 năm đối với trường hợp phục vụ thi công công trình, thử nghiệm, thăm dò khoáng sản, hoạt động dầu khí và hoạt động khác do Thủ tướng Chính phủ giao.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

i.1 Phí: Mức thu phí thẩm định cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được quy định cụ thể như sau:

* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng *không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động* sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu sau:

Stt	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa	2.500.000
2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ	2.000.000

Stt	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
	thi công, phá dỡ công trình	
3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	1.750.000
4	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	1.000.000

* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép có thay đổi về đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu sau:

Stt	Nội dung công việc thu phí	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa	5.000.000
2	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thi công, phá dỡ công trình	4.000.000
3	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền	3.500.000
4	Thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm	2.000.000

i.2 Lệ phí: theo quy định Bộ Tài chính (nếu có).

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo Mẫu số 1 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã được cấp hết hạn và không thay đổi về địa điểm, quy mô hoạt động so với Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp;

- Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);

- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

- Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

.....⁽¹⁾.....
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.....
Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:.....
Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:
Do cấp ngày.....
Nơi đặt trụ sở chính:
Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày tháng ... năm 20 ...
Đề nghị cấp:⁽³⁾.....
Mục đích:
Phạm vi, địa điểm:.....
Họ và tên người đại diện:.....
Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....
Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):
Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):
Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... cho

doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾ Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;
- ⁽³⁾ Loại hình cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽⁴⁾ Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽⁵⁾ Ghi quyền hạn, chức vụ.

46. Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Mức độ: 2)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Tổ chức, doanh nghiệp huộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, lập hồ sơ đề nghị Sở Công Thương thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Hồ sơ gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- **Nếu hồ sơ đầy đủ:** Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả.

- **Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:** hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Sở Công Thương tổ chức xem xét tính hợp lệ của hồ sơ:

- Trường hợp chưa hợp lệ, trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương ban hành Quyết định thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp.

Bước 3: Tổ chức đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Văn bản đề nghị thu hồi : Bản chính;
- Giấy giới thiệu kèm theo bản sao thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng minh do Quân đội nhân dân cấp của người đến liên hệ.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, doanh nghiệp.

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: theo quy định Bộ Tài chính (nếu có).
- Lệ phí: theo quy định Bộ Tài chính (nếu có).

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):
không

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đã cấp cho tổ chức, doanh nghiệp được thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp giải thể, chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập;
- Châm dứt hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Không bảo đảm các điều kiện về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; không đáp ứng đầy đủ hoặc không thực hiện đúng các nội dung quy định trong Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền.
- Không tiến hành kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.
- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC: không có

X. LĨNH VỰC XÚC TIÊN THƯƠNG MẠI

47. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (Mức độ: 4)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Tối thiểu (chậm nhất) 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo cho thương nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương xem xét, trả lời bằng văn bản việc xác nhận đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam. Trường hợp không xác nhận, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần:

- Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo quy định Mẫu số 10 - Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương.

- Bản sao không cần chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc các quyết định khác có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Công văn xác nhận hoặc không xác nhận.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có

- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo quy định Mẫu số 10 - Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): không

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11);

- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương, hợp nhất Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC
HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ: Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, (*tên thương nhân*) đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại tỉnh/thành phố như sau:

1. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ 1:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sử dụng danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có):

2. Hội chợ/triển lãm thương mại thứ

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):

- Thời gian:

- Địa điểm:

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có)

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sửa dụng danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có)

(*Tên thương nhân*) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đăng ký trên theo các qui định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) có chức năng kinh doanh hội chợ, triển lãm thương mại.

48. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (Mức độ: 4)

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Tối thiểu (chậm nhất) 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương-Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh, sẽ kiểm tra về thành phần hồ sơ:

- *Nếu hồ sơ đầy đủ:* Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu điện sẽ xuất phiếu tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nộp trực tuyến: tổ chức, cá nhân tự in phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, mang theo khi đến nhận kết quả.

- *Nếu hồ sơ chưa đầy đủ:* hướng dẫn tổ chức, cá nhân làm lại đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo cho thương nhân sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương xem xét, trả lời bằng văn bản việc xác nhận đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam. Trường hợp không xác nhận, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Thương nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận TN và TKQ Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả từ thứ hai đến thứ sáu: Sáng từ 7 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút; Chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút (Thứ bảy, Chủ nhật và ngày lễ, Tết nghỉ)

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích: đến nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh. Địa chỉ: số 25 Võ Nguyên Giáp, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Điện thoại: 0294.3826667.

- Hoặc nộp hồ sơ qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Trà Vinh: www.dichvucong.travinh.gov.vn

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại theo Mẫu số 13 tại Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

h. Kết quả giải quyết TTHC: Công văn xác nhận hoặc không xác nhận.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

- Phí: không có
- Lệ phí: không có

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại theo Mẫu số 13 tại Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

Việc sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11);
- Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
- Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương, hợp nhất Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NỘI DUNG TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Kính gửi:

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

Mã số thuế:

Người liên hệ:..... Điện thoại:

Căn cứ Luật thương mại, Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ vào công văn số..... ngày... tháng... năm... của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại năm tại....., (*tên thương nhân*) đề nghị thay đổi, bổ sung một số nội dung đã đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại như sau:

Tên Hội chợ/triển lãm thương mại:

- Tên tiếng Việt (tên đầy đủ/viết tắt) :

- Tên tiếng Anh (tên đầy đủ/viết tắt):.....

- Thời gian:.....

- Địa điểm.....

- Chủ đề (nếu có):

- Ngành hàng dự kiến tham gia:

- Quy mô dự kiến (Số lượng gian hàng hoặc số doanh nghiệp):

- Việc trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật (nếu có).....

- Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có)

- Việc sử dụng danh nghĩa tỉnh, thành phố (nếu có):

(*Tên thương nhân*) cam kết thực hiện đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại trên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, (*tên thương nhân*) sẽ báo cáo kết quả thực hiện tới Quý Cục (Sở).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC:

1. Cấp Giấy phép bán lẻ rượu

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Thương nhân bán lẻ rượu gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu đến Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (tại Bộ phận Một cửa cấp huyện).

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ rượu cho thương nhân theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cho thương nhân phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp
- Nộp qua dịch vụ bưu điện
- Nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

- Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.

- Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép bán lẻ rượu.

- Thời hạn của Giấy phép là 05 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

*** Phí thẩm định:**

- Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

* Lệ phí: Không

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu - Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng.

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

TÊN THƯƠNG NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

(1)

Kính gửi: (2)

Tên thương nhân:

Địa chỉ trụ sở chính:..... Điện thoại:..... Fax:

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số do cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị (2) xem xét cấp Giấy phép ... (1), cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: (3)

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: (4)

Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: (5)

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau:

Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

(5)
Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố:

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

(5)
Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm:

(6) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))

Chú thích:

- (1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu
- (2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.
- (3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...
- (4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).
- (5): Ghi rõ tên, địa chỉ.
- (6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

2. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

A. Nội dung thủ tục hành chính:

a. Trình tự thực hiện (bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC):

Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật, lựa chọn hình thức phù hợp để nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng).

Thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu đến Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (tại Bộ phận Một cửa cấp huyện).

Bước 2: Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân.

- Trường hợp từ chối cấp, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp
- Nộp qua dịch vụ bưu điện
- Nộp trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá - Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ**

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e. Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân

g. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

h. Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

- Thời hạn của Giấy phép là 05 năm kể từ ngày cấp mới.

i. Phí, lệ phí (nếu có):

*** Phí thẩm định:**

- Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

- Điểm kinh doanh tại khu vực huyện trực thuộc tỉnh mức thu phí thẩm định: đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm

kinh doanh/lần thẩm định. Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

* Lệ phí: Không

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có, đề nghị đính kèm ngay sau TTHC):

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

l. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):

- Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 (Bán thuốc lá) Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;
- Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

m. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

B. Mẫu đơn, mẫu tờ khai thực hiện TTHC:

Phụ lục 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..... , ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: (1)

1. Tên thương nhân:
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại: Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngàytháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax:
- Đề nghị (1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau: (2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm: (3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,...); Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.